

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16/01/2020

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Quang Huy và ông Đào Đức Giôn.

- Ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Trường - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2019/QĐXX/HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị T, sinh năm 1990

Bị đơn: Anh Nguyễn Phương T, sinh năm 1982

Đều đăng ký HKTT và cư trú tại: Thôn T, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Đào Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Phương T kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Túc, huyện Phú Xuyên từ năm 2008. Sau khi cưới, chị về chung sống với anh T ngay. Ngay từ những ngày đầu chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có tính hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên chửi bới xúc phạm danh dự và nhân phẩm của chị, đã nhiều lần anh T còn đánh đập chị hết sức tàn tệ. Kể từ khi chung sống đến nay, vợ chồng không có hạnh phúc nhưng vì các con, chị vẫn cố gắng chịu đựng. Tháng 7/2019, sau một lần cãi vã, không thể chịu đựng được hơn sự xúc phạm của anh T, chị đã bỏ đi và sống ly thân từ đó đến nay.

Do tình cảm vợ chồng từ lâu đã không hạnh phúc do thường xuyên bị ngược đãi, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng không thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Phương T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phương N, sinh ngày 10/8/2009 và Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 11/05/2013. Ly hôn, chị T xin được nuôi con nhỏ Nguyễn Quang Đ và để anh T nuôi con lớn là Nguyễn Phương N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh Nguyễn Phương T mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải nhưng đều có tình không chấp hành, tại lời khai duy nhất của anh Tiếp ngày 18/12/2019 thể hiện:

Anh T công nhận quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống đúng như chị T đã trình bày. Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn T, xã P, huyện P. Quá trình chung sống, anh T thừa nhận vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, do quá bức xúc, không kiềm chế được bản thân nên có đánh đập chị T một vài lần, tuy nhiên không gây hậu quả nghiêm trọng, không bị cơ quan pháp luật xử lý. Sau khi chị T bỏ nhà ra đi, anh và gia đình đã nhiều lần tìm gặp chị T để thuyết phục chị T quay về với các con nhưng phía chị T không chấp nhận. Nay chị T làm đơn xin ly hôn đơn phương, anh không đồng ý ly hôn mà đề nghị chị T hãy vì các con mà quay về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị T đã trình bày, trường hợp buộc phải ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết mỗi bên vợ chồng nuôi 01 con như đề nghị của chị T, không bên nào phải góp phí tổn nuôi con cho nhau.

Công nợ chung không có, tài sản chung của vợ chồng tự thỏa thuận nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

UBND xã P, nơi cư trú của anh T có quan điểm :

Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, anh Nguyễn Phương T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống ổn định tại địa phương.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh T thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm khiến cho vợ chồng thường hay cãi nhau, thậm chí còn đánh chửi nhau do quá bức tức, chỉ chưa đến mức bị chính quyền địa phương can thiệp. Vợ chồng đã ly thân kể từ tháng 6/2019 đến nay, chị T bỏ đi không quay lại chung sống với anh T nữa. Sau khi ly thân, anh T thậm chí còn bôi xấu chị T trên mạng xã hội khiến cho mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên gay gắt.... Do mâu thuẫn đã trầm trọng, khó có cơ hàn gắn, hạnh phúc gia đình là mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T để giải phóng cho cả hai.

Vợ chồng có 02 con chung hiện đều đang ở cùng anh T. Trường hợp phải ly hôn, đề nghị Tòa án giao cho mỗi bên nuôi một cháu để đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho các con.

Về tài sản chung và công nợ của vợ chồng, UBND xã không nắm rõ. Tuy nhiên, địa phương không thấy có tranh chấp gì về tài sản liên quan đến vợ chồng.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T; giao chị T được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Quang Đ, anh T được nuôi con chung là Nguyễn Phương N không bên nào phải góp phí tổn nuôi con

cho nhau, anh T và chị T đều có quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được ngăn cản; Tài sản chung và công nợ các bên không yêu cầu nên không đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án về tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do nơi cư trú của bị đơn thuộc xã P, huyện P, thành phố Hà Nội nên việc Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do anh Nguyễn Phương T vẫn đang cư trú, sinh sống bình thường tại địa phương, mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ và hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, thuộc trường hợp cố tình lẩn tránh nên không cần có sự có mặt của anh Tiệp, Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử bình thường.

[2]. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Chị Đào Thị T kết hôn với anh Nguyễn Phương T là hôn nhân tự nguyện tiến bộ và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P, TP Hà Nội vào ngày 03/3/2008. Sau khi tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, chị T về chung sống với anh T tại Thôn T, xã P ngay. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, phía anh T cũng thừa nhận đã nhiều lần đánh đập vợ... Mâu thuẫn kéo dài và đỉnh điểm là tháng 6/2019, do không chịu đựng nổi anh T, chị T đã bỏ nhà ra đi và sống ly thân anh T từ đó đến nay. Sau khi chị T rời đi, anh T không những không có biện pháp cải thiện tình cảm mà ngược lại, còn đưa những lời lẽ xúc phạm chị T lên mạng xã hội làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng khiến chị T phải làm đơn xin ly hôn. Quá trình giải quyết, phía anh T tuy không muốn ly hôn nhưng lại có thái độ bỏ mặc, không hợp tác với Tòa án để hóa giải mâu thuẫn vợ chồng. Bản thân anh T cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, việc đề nghị chị T đoàn tụ là chỉ vì muốn các con đỡ khổ, ngoài ra không còn lý do nào khác... Tại phiên tòa hôm nay, phía chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đào Thị T và anh Nguyễn Phương T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khiến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình đã không đạt được... nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho vợ chồng ly hôn để giải phóng cho cả hai bên.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phương N, sinh ngày 10/8/2009 và Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 11/05/2013. Ly hôn, do cháu Nguyễn Quang Đ nhỏ hơn cần có sự chăm sóc của người mẹ nên giao cho chị T nuôi dưỡng là hợp lẽ, giao anh T được nuôi con lớn là Nguyễn Phương N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Quá trình tố tụng, anh T, chị T đều không có yêu cầu về phân chia tài sản; vợ chồng đều xác nhận không có công nợ chung... nên vấn đề tài sản, công nợ không đặt ra.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị T phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Đào Thị T được ly hôn anh Nguyễn Phương T.

2. Về con chung: Giao cho chị Đào Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 11/05/2013; giao anh Nguyễn Phương T trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Phương N, sinh ngày 10/8/2009; không bên nào phải góp phí tổn nuôi con cho nhau; Anh T, chị T được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Đào Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005581 ngày 09/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, báo đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội
- VKSND huyện Phú Xuyên
- Chi cục THA huyện Phú Xuyên
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phùng Văn Phong

